

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 310/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, giữa:

Nguyên đơn: Anh Lê Quang N - sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn 3, xã HT, huyện HH, tỉnh Thanh Hoá.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N – sinh năm 2000

Địa chỉ: Thôn 3, xã HT, huyện HH, tỉnh Thanh Hoá.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 144 và Khoản 3, 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 6; điểm a Khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14; Danh mục án phí lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày **30** tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày **30** tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Anh Lê Quang N - sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn 3, xã HT, huyện HH, tỉnh Thanh Hoá.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N – sinh năm 2000

Địa chỉ: Thôn 3, xã HT, huyện HH, tỉnh Thanh Hoá.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: anh Lê Quang N và chị Nguyễn Thị N thống nhất có 01 con chung là cháu Lê Thị Kim N, sinh ngày 24/8/2020; Vợ chồng ly hôn, anh chị thống nhất giao cháu Lê Thị Kim N cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Anh Lê Quang N có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N 1.500.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 12 năm 2021 đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Anh N có quyền đi lại, chăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh N và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Anh N và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Lê Quang N tự nguyện chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0011068 ngày 16/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa. Anh N đã nộp đủ án phí.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Hoằng Hóa ;
- Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa ;
- UBND xã Hoằng Trinh, huyện Hoằng Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Ninh Thị Khánh Tân